

Báo cáo thị trường

Báo cáo ngày: VN-Index có thể biến động trong khoảng 1,630 - 1,700 trong các phiên tới

23/10/2025

Chỉ số VN-Index tăng 8.6 điểm (+0.5%), đóng cửa ở mức 1,687.1 điểm. Chỉ số tăng điểm với lực kéo chủ yếu đến từ nhóm Vingroup (VIC và VHM). Thanh khoản thị trường trong phiên hôm nay giảm khoảng 40% so với GTGD bình quân 10 phiên gần nhất.

Xu hướng của thị trường trong phiên hôm nay diễn ra phù hợp với quan điểm của chúng tôi trong các báo cáo trước. Nhịp hồi phục của VN-Index được hỗ trợ bởi nhóm Bất động sản và Ngân hàng. Mặc dù vậy, các nhóm này đã bắt đầu suy yếu trong phiên hôm nay và thị trường chỉ tăng điểm chủ yếu nhờ nhóm Vingroup. Ngoài ra, tâm lý NĐT vẫn thận trọng sau khi thị trường đã giảm mạnh, phản ánh qua GTGD đã giảm về tương đương mức tại giai đoạn T9 2025 (xấp xỉ 30,000 tỷ VND). **Do đó, trong thời gian tới chúng tôi cho rằng thị trường sẽ chủ yếu biến động trong vùng 1,630 - 1,700.** NĐT có thể tranh thủ các phiên thị trường tiến lên mức 1,700 để giảm tỷ trọng về mức an toàn.

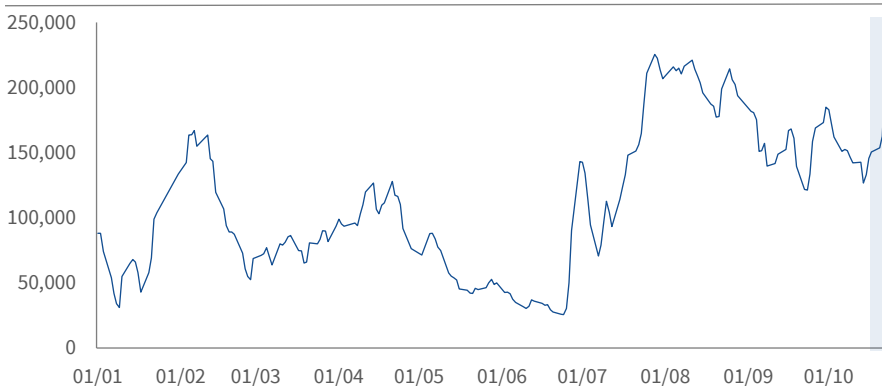
Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 1,200 tỷ VND trong phiên hôm nay, trong đó tập trung bán ròng các cổ phiếu CTG, VHM và MSN.

Tất cả các HĐ tương lai chỉ số VN30 và VN100 đều tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Đối với các HĐ chỉ số VN30, mã HĐ 41I1G3000 tăng mạnh nhất (+2.2%). Bên cạnh đó, HĐ mã 41I2G6000 là HĐ tương lai chỉ số VN100 tăng mạnh nhất, tăng 32.7 điểm, tương ứng tăng 1.8%.

Tính đến thời điểm hiện tại, có 137/418 DNNY trên HOSE đã công bố kết quả kinh doanh Q3 2025 (Chi tiết tham khảo **Phụ lục Tổng quan KQKD Q3 2025 toàn thị trường** tại trang 10).

NHNN bơm ròng mạnh trở lại trong các phiên gần đây trên thị trường mở giúp hỗ trợ thanh khoản thị trường

Khối lượng lưu hành Reverse Repo từ đầu năm 2025 - nay [tỷ VND]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	% Thay đổi
VN-Index		
Đóng cửa	1,687.1	0.5%
KLGD [triệu CP]	755	-24.4%
GTGD [tỷ VND]	24,620	-23.5%
Khớp lệnh	22,805	-18.3%
Thoả thuận	1,815	-57.8%
HNX-Index		
Đóng cửa	266.8	-0.7%
KLGD [triệu CP]	83	-35.3%
GTGD [tỷ VND]	2,025	-29.4%
UPCoM		
Đóng cửa	111.0	1.4%
KLGD [triệu CP]	27	-44.7%
GTGD [tỷ VND]	484	-38.4%

Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ►
- Vì sao thị trường tăng điểm? ►
- Quan điểm thị trường ►
- Các thông tin đáng chú ý ►
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ►
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ►
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ►

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên phân tích

anhnd@tvs.vn

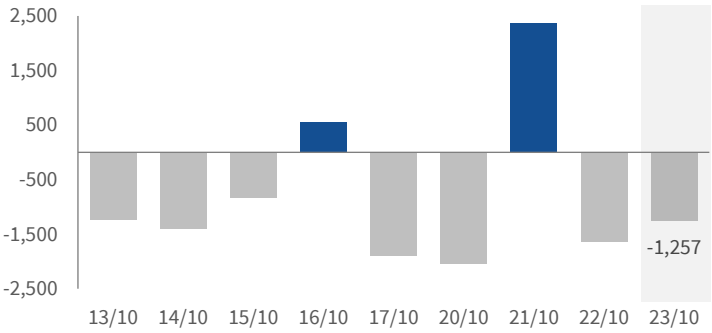
Tổng quan thị trường hôm nay

NDTNN tiếp tục bán ròng trong phiên giao dịch hôm nay

VN-Index 754.6 triệu CP	▲ 1,687 (+0.5%) 24,620 tỷ VND (-23.5%)
HNX-Index 82.6 triệu CP	▼ 267 (-0.7%) 2,025 tỷ VND (-29.4%)
UPCoM-Index 27.4 triệu CP	▲ 111 (+1.4%) 484 tỷ VND (-38.4%)

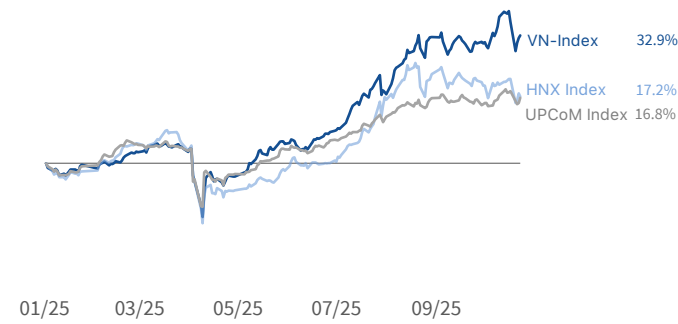
Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 1,200 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



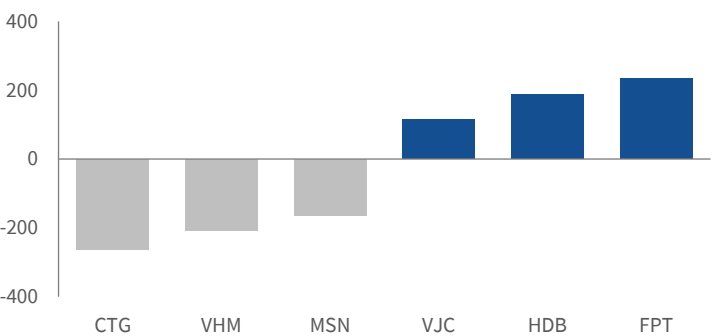
Chỉ có chỉ số HNX-Index giảm điểm trong phiên hôm nay

Hiệu suất tính từ đầu năm 2025 của các chỉ số [%]



NDTNN tập trung bán ròng các cổ phiếu CTG, VHM và MSN

Top cổ phiếu mua/bán ròng của NĐT nước ngoài trên sàn HSX [tỷ VND]



Trong số các TTCK chúng tôi theo dõi, TTCK Nhật Bản giảm điểm mạnh nhất trong phiên hôm nay

Hiệu suất của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	KLGD [triệu CP]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,687	755	0.5%	32.9%	15.5	2.0	1,700	1,600	52	1,666
HNX-Index	Việt Nam	267	83	-0.7%	17.3%	27.1	1.6	300	220	44	266
S&P 500	Mỹ	6,699	3,302	-0.5%	13.9%	24.1	4.9	5,842	5,823	48	6,725
Dow Jones	Mỹ	46,590	458	-0.7%	9.5%	22.4	5.3	42,594	42,051	46	46,798
FTSE 100	Anh	9,515	1,020	0.9%	16.4%	12.8	1.9	8,385	8,325	67	9,483
Euro Stoxx 50	Euro	5,642	18	-0.8%	15.2%	24.3	3.3	4,999	4,978	47	5,672
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,922	56,519	0.2%	17.0%	14.0	1.3	3,340	3,328	62	3,897
SZSE Component	Trung Quốc	13,025	18,199	0.2%	25.1%	25.7	2.2	10,729	10,563	56	12,985
Hang Seng	Hồng Kông	25,968	3,104	0.7%	29.5%	11.7	1.3	20,890	20,563	55	25,915
Nikkei 225	Nhật Bản	48,667	118	-1.3%	25.1%	20.9	2.1	40,000	38,416	45	49,003
KOSPI	Hàn Quốc	3,846	419	-1.0%	60.3%	14.7	1.1	2,616	2,590	54	3,850
VIX Index	Mỹ	15	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

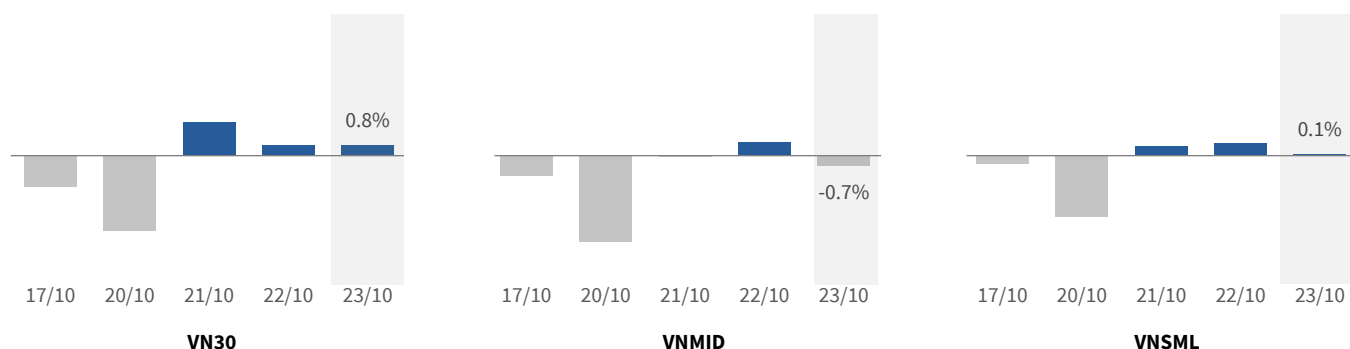
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Investing.com, TVS Research

Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

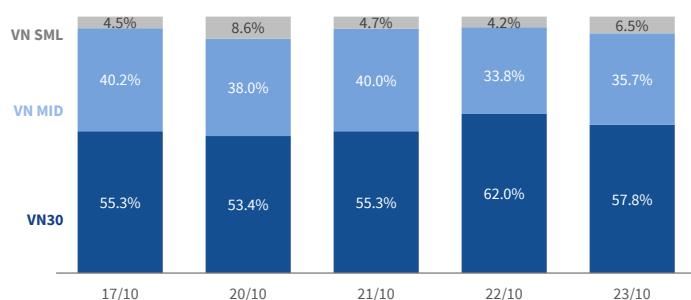
Chỉ số VN30 và VNSML tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



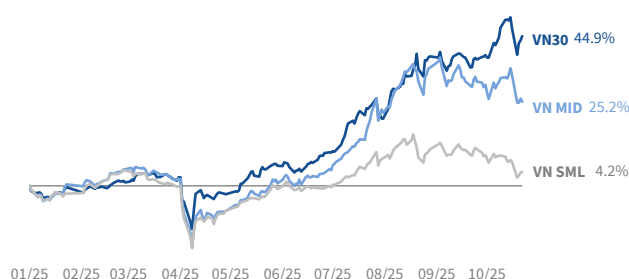
Tỷ trọng GTGD nhóm VN MID tăng nhẹ so với phiên hôm qua

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



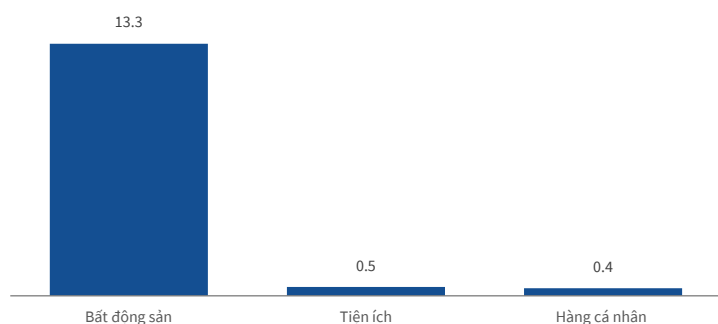
Chỉ số VN30 duy trì đà hồi phục tốt hơn 2 chỉ số còn lại

Hiệu suất của các chỉ số từ đầu năm 2025 [%]



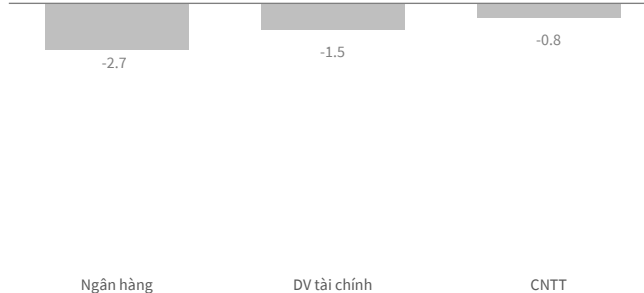
Nhóm Bất động sản tăng điểm mạnh hỗ trợ chỉ số...

Các ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



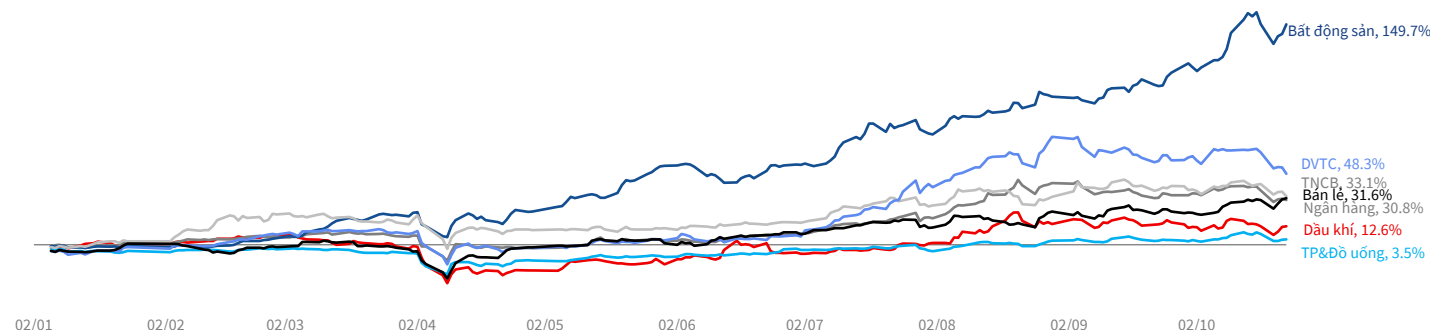
... trong khi nhóm Ngân hàng và DVTC giảm điểm

Các ngành đóng góp tiêu cực nhất vào VN-Index [điểm]



Nhóm Bất động sản hồi phục mạnh nhất trong các nhóm ngành kể từ phiên giảm điểm ngày 20/10

Hiệu suất các nhóm ngành từ đầu năm 2025 [%]



Vì sao thị trường tăng điểm?

VN-Index tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	52	50	Bán	Simple Moving Average (20)	1,662	1,687	Mua
Stochastic %K	-3	40	Bán	Simple Moving Average (50)	1,617	1,687	Mua
Momentum (10)	53	40	Mua	Simple Moving Average (100)	1,489	1,687	Mua
MACD level (12,36)	54	0	Mua	Simple Moving Average (200)	1,371	1,687	Mua
Tín hiệu mua			2	Exponential Moving Average (20)	1,655	1,687	Mua
Tín hiệu trung tính			0	Exponential Moving Average (50)	1,605	1,687	Mua
Tín hiệu bán			2	Exponential Moving Average (100)	1,514	1,687	Mua
				Exponential Moving Average (200)	1,342	1,687	Mua
				Bollinger Band (20)	1,362	1,687	Mua
				Tín hiệu mua			8
				Tín hiệu trung tính			0
				Tín hiệu bán			0

Xu hướng của thị trường trong phiên hôm nay diễn ra phù hợp với quan điểm của chúng tôi trong các báo cáo trước. Nhịp hồi phục của VN-Index được hỗ trợ bởi nhóm Bất động sản và Ngân hàng. Mặc dù vậy, các nhóm này đã bắt đầu suy yếu trong phiên hôm nay và thị trường chỉ tăng điểm chủ yếu nhờ nhóm Vingroup. Ngoài ra, tâm lý NĐT vẫn thận trọng sau khi thị trường đã giảm mạnh, phản ánh qua GTGD đã giảm về tương đương mức tại giai đoạn T9 2025 (xấp xỉ 30,000 tỷ VND). Do đó, trong thời gian tới chúng tôi cho rằng thị trường sẽ chủ yếu biến động trong vùng 1,630 - 1,700. NĐT có thể tranh thủ các phiên thị trường tiến lên mức 1,700 để giảm tỷ trọng về mức an toàn.

Thông tin ngành/doanh nghiệp:

MWG (HSX, giá đóng cửa 85,700 VND, +1.4%): MWG công bố doanh thu và LNST Q3 2025 lần lượt đạt 40,091 tỷ VND (+17% YoY) và 1,771 tỷ VND (+121% YoY). Trong đó, doanh thu của Bách Hóa Xanh Q3 2025 đạt 11,685 tỷ VND (+8% YoY). Trong Q3, Bách Hóa Xanh (BHX) tập trung tối ưu chi phí và kiểm soát hao hụt giúp cho các cửa hàng mới mở tại khu vực miền Trung có lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng. Ngoài ra, BHX mở mới thêm 106 cửa hàng mới, tập trung chủ yếu ở khu vực các tỉnh miền Trung. Trong thời gian vừa qua, chúng tôi nhận thấy BHX đã tiến hành những bước tuyển dụng đầu tiên ở một số tỉnh ở khu vực phía Bắc. Do đó, chúng tôi kỳ vọng BHX sẽ mở mới ở khu vực phía Bắc trong năm 2026, đồng thời tiếp tục tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, giúp thúc đẩy tăng trưởng của BHX nói riêng và MWG nói chung trong năm 2026.

NTP (HSX, giá đóng cửa 66,900 VND, +1.2%): Trong Q3 2025, NTP ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,610 tỷ VND (+34.0% YoY) và LNST 258 tỷ VND (+49.9% YoY), trong đó biên lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 31.3% so với 28.5% trong Q3 2024. Luỹ kế 9T 2025 doanh thu và LNST của công ty đạt 4,869 tỷ VND (+27.1 %YoY) và 790 tỷ VND (+52.2% YoY). Kết quả tích cực đạt được đến từ (1) doanh thu tăng trưởng nhờ mảng xây dựng nhà ở tại miền Bắc phục hồi (chiếm 80% tổng sản lượng tiêu thụ NTP) và (2) giá PVC đầu vào duy trì mở mức thấp khi giá dầu giảm do nhu cầu yếu trong bối cảnh khối OPEC+ gia tăng sản lượng. Chúng tôi kỳ vọng các yếu tố nêu trên sẽ tiếp tục hỗ trợ đà tăng trưởng của NTP trong Q4 2025.

ACB (HSX, giá đóng cửa: 24,950 VND, -0.6%): LNTT Q3 2025 đạt 5,382 tỷ VND (+11.1% YoY) với động lực đến từ tăng thu nhập ngoài lãi (+28.7% YoY) và tiết giảm các chi phí hoạt động và dự phòng trong khi thu nhập lãi thuần giảm nhẹ -1.6% YoY. Tín dụng đến cuối Q3 2025 gần 670 nghìn tỷ VND (+15.2% YTD, +20.6% YoY) với biên lãi thuần đi ngang so với quý liền trước nhưng vẫn trong xu hướng giảm YoY. Đối với các khoản thu ngoài lãi, kinh doanh ngoại hối và mua bán CKKD chứng kiến tăng trưởng mạnh nhất, lần lượt +169.5% YoY và +415.3% YoY. Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện với tỷ lệ nợ xấu đạt 1.1%, giúp chi phí dự phòng của ACB trong Q3 2025 giảm 19.3% YoY. Chúng tôi cho rằng ACB sẽ tiếp tục giữ đà tăng trưởng về lợi nhuận trong Q4 2025 nhờ thu từ lãi dự kiến sẽ cải thiện rõ rệt hơn khi tín dụng mở rộng, NIM hồi phục và chất lượng tài sản được kiểm soát tốt.

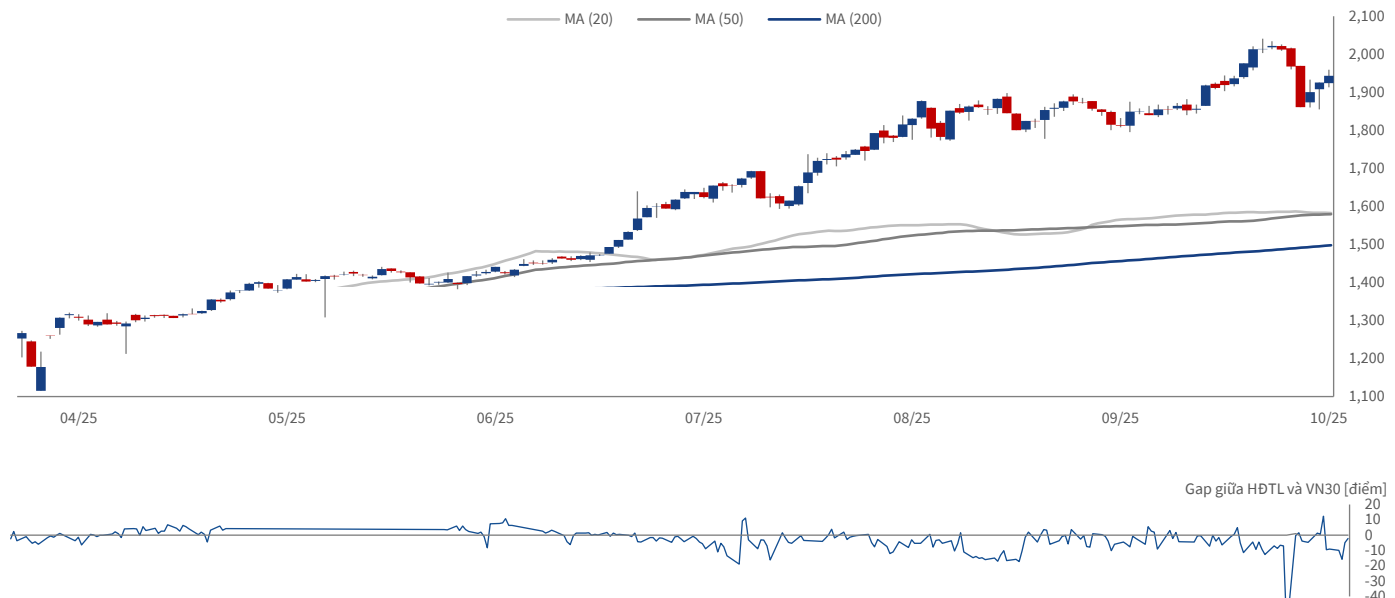
1/10	Việt Nam - Công bố PMI sản xuất T9
3/10	Mỹ - Công bố số liệu việc làm và thất nghiệp T8
6/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế T9
8/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố kết quả đánh giá nâng hạng TTCK Việt Nam
14/10	Trung Quốc - Chỉ số giá tiêu dùng CPI
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI
16/10	Việt Nam - Đáo hạn HĐTL chỉ số VN30 T10
29/10	Mỹ - FOMC họp và công bố kết quả điều hành lãi suất cơ bản

Diễn biến thị trường tương lai chỉ số VN30

Thị trường tương lai

Mức basis tiếp tục thu hẹp trong phiên giao dịch hôm nay

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30F1M [điểm]



Bảng giá Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 và VN100

Mã hợp đồng	Ngày đáo hạn	Basis	Khớp lệnh			NĐTNN (HĐ)		Tổng KL
			Giá	+/-	+/- (%)	NN mua	NN bán	
41I1G3000	19/03/2026	-22.3	1,924	41.9	2.2%	2	0	214
41I1FB000	20/11/2025	-2.3	1,944	17.5	0.9%	9,609	8,339	365,736
VN30F2512	18/12/2025	-6.8	1,939	18.6	1.0%	162	12	723
41I1G6000	18/06/2026	-17.8	1,928	18.0	0.9%	1	1	64
41I2G6000	18/06/2026	-18.2	1,836	32.7	1.8%	0	0	21
41I2FB000	20/11/2025	0.9	1,855	11.6	0.6%	2	0	279
41I2FC000	18/12/2025	-1.3	1,853	28.5	1.6%	0	0	17
41I2G3000	19/03/2026	-15.9	1,838	25.0	1.4%	0	0	24

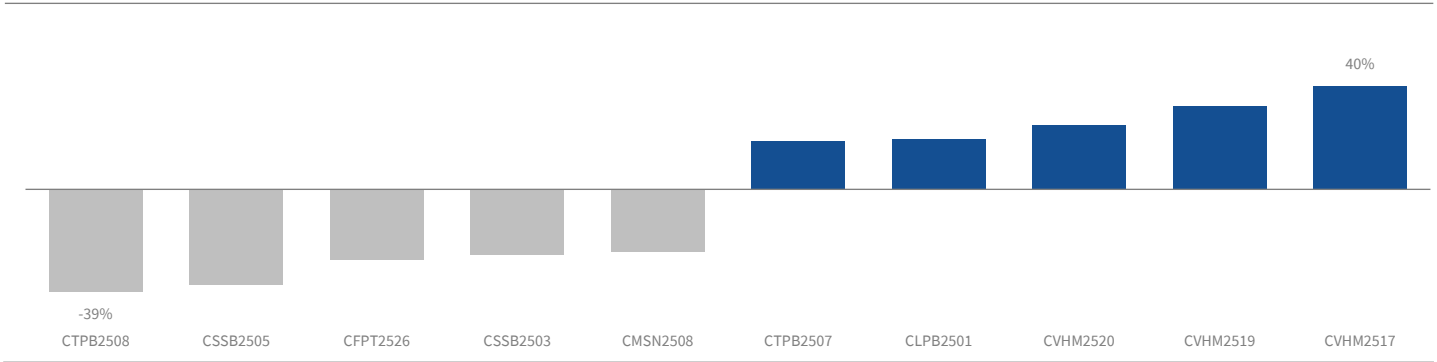
Diễn biến thị trường tương lai

Tất cả các HĐ tương lai chỉ số VN30 và VN100 đều tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Đối với các HĐ chỉ số VN30, mã HĐ 41I1G3000 tăng mạnh nhất (+2.2%). Đối với các HĐ chỉ số VN100, HĐ mã 41I2G6000 là HĐ tăng mạnh nhất, tăng 32.7 điểm, tương ứng mức tăng 1.8%.

Diễn biến thị trường chứng quyền

Mã chứng quyền CVHM2517 tăng mạnh nhất (+40%) trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Diễn biến giảm điểm ghi nhận trên thị trường chứng quyền

- Thị trường chứng quyền ghi nhận diễn biến tương đối phân hóa trong phiên hôm nay. Số lượng các mã tăng (113 mã) nhiều hơn số các mã giảm (104 mã), trong đó mã CVHM2517 tăng mạnh nhất (+40%). Ở chiều ngược lại, mã chứng quyền CTPB2508 tiếp tục là mã giảm mạnh nhất (-39%)
- Trong số các mã chứng quyền chúng tôi theo dõi, có 3/5 mã tăng điểm trong phiên hôm nay, trong đó mã CVRE2522 tăng mạnh nhất (+7.2%). Ở chiều ngược lại, mã chứng quyền CVIB2502 giảm mạnh nhất (-14.0%)

Danh sách CW quan sát

Mã CW	TCPH	Ngày GDCC	Khớp lệnh		Giá thực hiện	Tỷ lệ chuyển đổi	Khối lượng
			Giá đóng cửa	%			
CTCB2509	SSI	11/12/2025	2,990.0	-3.5%	33,123	1.9:1	281,800
CMWG2511	ACBS	18/05/2026	4,450.0	4.7%	26,814	5.9:1	594,700
CHPG2406	SSI	24/10/2025	970.0	1.0%	30,500	3.3:1	452,400
CVRE2522	MBS	18/05/2026	8,510.0	7.2%	86,348	2.0:1	346,200
CVIB2502	SSI	23/10/2025	430.0	-14.0%	124,773	1.7:1	346,200

Nguồn: Fiinpro-X, TVS Research

Ghi chú: Giá đóng cửa, Giá thực hiện có đơn vị là VND/đơn vị

Ngày GDCC: Ngày giao dịch cuối cùng

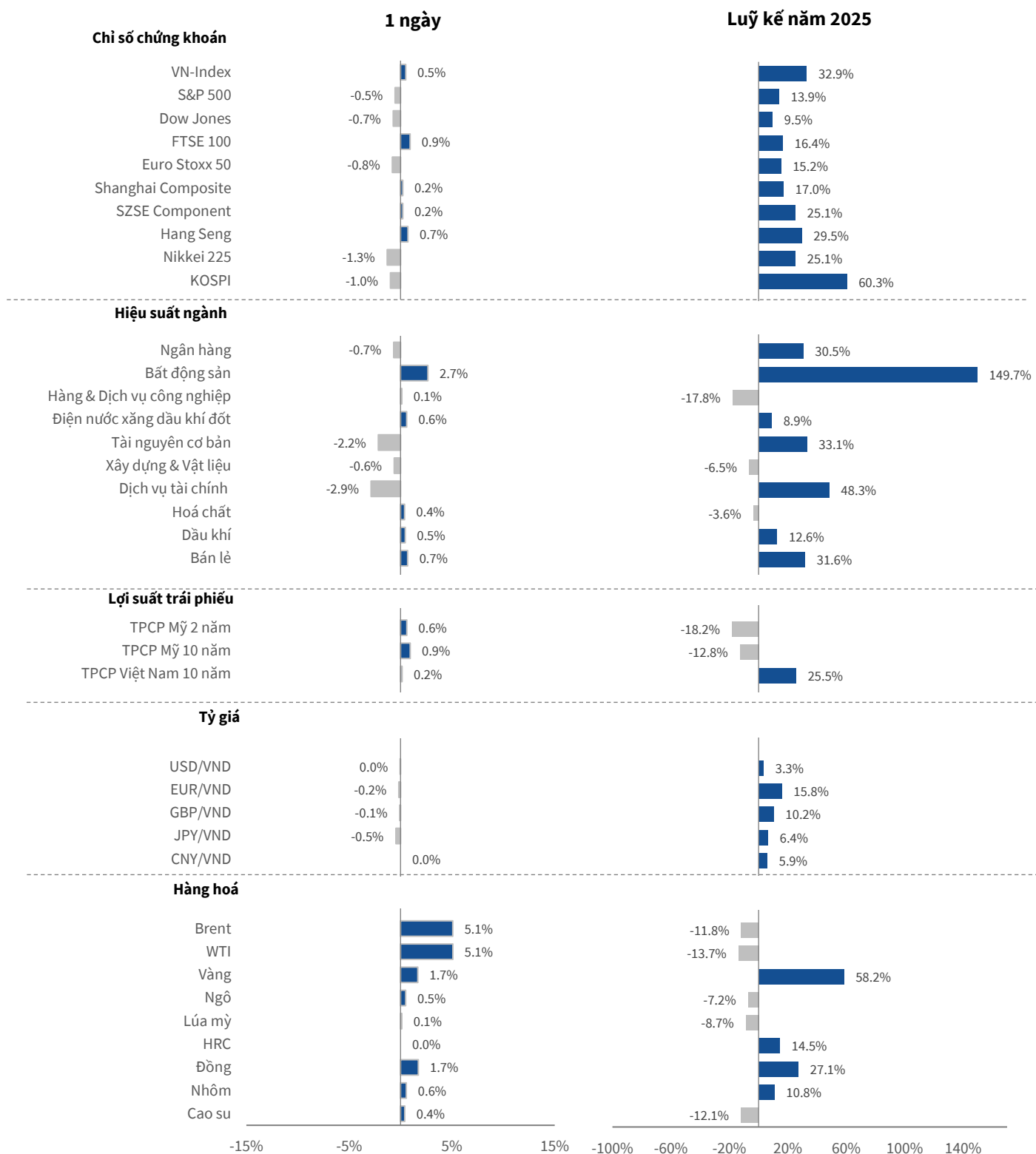
Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường					Định giá				
		Giá đóng cửa	Vốn hoá	Beta	%	%	P/E	P/B	Giá	+/-	Ngày ra báo cáo
KDH	Bất động sản	33,550	37,650	1.3	4%	-2%	46.9	2.1	42,300	26%	18/07
TRC	Hóa chất	71,000	2,130	0.3	1%	36%	6.1	1.0	91,600	29%	18/07
HVN	Du lịch và Giải trí	33,750	105,013	0.6	-2%	53%	9.0	-27.9	39,000	16%	18/07
NLG	Bất động sản	37,700	18,292	1.0	1%	13%	22.2	1.9	53,300	41%	05/08
HDC	Bất động sản	35,800	6,385	2.3	-4%	48%	10.5	2.2	32,900	-8%	18/07
MWG	Bán lẻ	85,700	126,704	0.6	1%	41%	21.7	4.0	84,300	-2%	18/07
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25,650	16,582	0.9	-1%	60%	21.5	2.1	28,500	11%	18/07
FRT	Bán lẻ	142,500	24,268	-0.1	-1%	-3%	45.1	8.5	183,900	27%	13/08
SIP	Bất động sản	53,400	12,929	0.5	2%	-27%	10.2	2.8	74,900	40%	18/07
PHR	Hóa chất	51,000	6,910	0.2	1%	-3%	13.6	1.8	74,000	45%	18/07
PLC	Hóa chất	26,100	2,109	1.1	1%	17%	22.5	1.7	30,000	15%	18/07
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26,500	203,400	1.2	-1%	20%	15.1	1.7	31,100	17%	18/07
VPB	Ngân hàng	30,000	238,018	2.2	-1%	63%	11.5	1.6	24,000	-20%	18/07
PDR	Bất động sản	23,600	23,124	2.3	-3%	27%	133.6	2.0	22,200	-6%	18/07
HCM	Dịch vụ tài chính	24,400	26,351	1.6	-1%	9%	16.7	2.5	29,100	19%	18/07
FPT	Công nghệ Thông tin	95,000	161,833	0.2	-2%	-26%	18.7	4.9	125,600	32%	18/07
MBB	Ngân hàng	25,200	202,986	1.5	-1%	55%	8.3	1.7	29,800	18%	18/07
DXG	Bất động sản	20,050	20,429	1.7	-2%	60%	57.3	1.7	26,600	33%	20/08
CTG	Ngân hàng	49,700	266,889	1.2	-2%	35%	8.9	1.6	48,900	-2%	18/07
VHM	Bất động sản	115,000	472,352	1.5	2%	183%	16.5	2.2	92,000	-20%	18/07
TCB	Ngân hàng	37,250	263,962	1.4	-2%	58%	12.0	1.6	36,600	-2%	18/07

Danh sách báo cáo gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T9 2025	Thị trường	10/10/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T9 2025	Vĩ mô	10/10/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo cập nhật kết quả nâng hạng TTCK Việt Nam	Vĩ mô	08/10/2025
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T8 2025	Thị trường	11/09/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T8 2025	Vĩ mô	11/09/2025
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật cổ phiếu	DXG	20/08/2025
Báo cáo cập nhật	Báo cáo cập nhật cổ phiếu	FRT	13/08/2025
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T7 2025	Thị trường	11/08/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T7 2025	Vĩ mô	11/08/2025
Báo cáo cập nhật	Cập nhật KQKD 6T 2025	NLG	05/08/2025
Báo cáo cập nhật	Cập nhật KQKD 6T 2025	CTG	01/08/2025
Báo cáo Chiến lược thị trường H2 2025	Báo cáo chiến lược	Thị trường	18/07/2025
Báo cáo Chiến lược đầu tư H2 2025	Báo cáo chiến lược	Toàn thị trường	18/07/2025
Báo cáo Chiến lược vĩ mô H2 2025	Báo cáo chiến lược	Vĩ mô	18/07/2025
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T6 2025	Vĩ mô	14/07/2025
Báo cáo ngành	Báo cáo ngành Bất động sản	Ngành	14/07/2025

Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, TVS Research



Tổng quan KQKD Q3 2025 toàn thị trường

Mã	Giá đóng cửa ngày 23/10/2025	Vốn hóa tại ngày 23/10/2025	DT Q3 2025	% YoY	DT 9T 2025	% YoY	LNST Q3 2025	% YoY	LNST 9T 2025	% YoY	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B (TTM)
Ngân hàng (8/27 DN)																
TCB	37,250	263,962	14,242	21.2%	38,596	3.1%	6,614	14.2%	18,975	3.5%	14.2%	2.1%	3,113	23,148	12.0	1.6
VPB	30,000	238,018	20,138	33.7%	52,238	17.1%	7,364	76.8%	16,236	48.3%	14.0%	2.0%	2,603	19,407	11.5	1.6
LPB	51,300	153,248	5,323	5.0%	14,924	3.8%	2,762	18.5%	7,692	9.1%	23.9%	2.0%	3,469	14,549	14.8	3.5
ACB	24,950	128,160	8,385	3.1%	25,592	2.5%	4,281	10.6%	12,840	4.9%	19.9%	1.9%	3,385	17,797	7.4	1.4
SHB	16,700	76,715	6,407	66.3%	22,795	62.0%	2,607	49.8%	9,750	34.8%	20.3%	0.0%	2,388	13,773	7.0	1.2
Bất động sản (29/131 DN)																
LHG	84,000	75,582	4,233	2469.7%	4,882	124.6%	1,508	5008.5%	1,591	160.8%	23.4%	4.1%	4,851	13,215	17.3	6.4
THD	29,000	11,165	244	-0.6%	770	4.0%	24	-7.7%	73	0.9%	2.0%	1.9%	220	11,394	131.6	2.6
IJC	12,250	7,712	672	255.0%	997	39.5%	254	193.7%	397	99.3%	10.5%	7.0%	1,403	8,525	8.7	1.4
HDC	35,800	6,385	102	-18.1%	281	-26.3%	539	3939.5%	610	839.8%	25.2%	12.2%	3,424	16,033	10.5	2.2
SZC	29,800	5,364	86	-47.5%	719	12.1%	21	-65.1%	242	6.7%	10.1%	3.9%	1,763	17,457	16.9	1.7
Thực phẩm và đồ uống (45/157 DN)																
HAG	15,650	19,835	1,895	32.4%	5,603	33.6%	432	23.1%	1,312	54.1%	14.4%	5.8%	1,370	9,990	11.4	1.6
IFS	30,300	8,068	2,000	49.1%	4,833	36.1%	283	915.5%	748	1660.1%	24.1%	14.8%	2,829	13,301	10.7	2.3
MCM	26,700	2,937	716	-3.2%	2,114	-2.8%	28	-34.1%	152	1.8%	9.6%	8.0%	2,024	21,196	13.2	1.3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp (67/259 DN)																
GEE	182,100	66,649	6,444	14.7%	18,235	24.5%	1,792	321.4%	2,845	166.3%	48.1%	23.7%	9,095	20,387	20.0	8.9
PDN	93,000	5,168	399	19.9%	1,145	18.3%	108	19.9%	333	27.7%	32.5%	24.8%	7,549	24,856	12.3	3.7
VGR	55,500	4,563	304	15.5%	858	8.6%	125	50.7%	362	33.8%	39.0%	33.6%	5,256	14,876	10.6	3.7
Xây dựng và vật liệu (90/350 DN)																
VGC	45,950	20,602	3,254	14.8%	9,337	14.1%	118	-49.8%	956	48.7%	15.8%	5.6%	3,090	20,261	14.9	2.3
BMP	165,000	13,507	1,532	8.9%	4,224	18.5%	351	21.0%	967	27.3%	41.2%	33.4%	14,639	38,458	11.3	4.3
VCS	66,900	11,442	1,610	34.0%	4,869	27.1%	258	49.9%	790	52.2%	26.6%	15.5%	5,885	23,556	11.4	2.8
Tài nguyên cơ bản (34/113 DN)																
HGM	298,600	3,762	173	53.9%	606	143.9%	116	97.1%	422	231.5%	108.2%	86.8%	37,954	42,241	7.9	7.1
TMG	75,000	1,350	262	-3.2%	872	6.9%	17	184.1%	52	32.5%	27.0%	12.0%	3,772	13,724	19.9	5.5
BMJ	10,400	1,092	207	57.2%	524	70.9%	15	41.1%	51	39.7%	5.1%	3.7%	602	12,064	17.3	0.9
Dịch vụ tài chính (36/69 DN)																
TCX	47,900	110,712	3,164	71.5%	7,852	36.0%	1,620	84.5%	4,050	30.5%	15.2%	7.5%	2,390	18,378	20.0	2.6
VIX	33,100	50,690	3,222	481.8%	6,178	377.7%	2,449	823.0%	4,123	648.2%	24.1%	17.6%	2,766	13,169	12.0	2.5
VND	20,500	31,207	2,214	74.4%	5,213	26.7%	929	83.9%	1,680	14.5%	9.7%	3.9%	1,269	13,506	16.2	1.5
Các ngành khác (202/558 DN)																
MWG	85,700	126,704	39,853	16.7%	113,607	13.9%	1,784	121.4%	4,989	73.2%	19.7%	7.6%	3,955	21,246	21.7	4.0
IMP	49,500	7,623	574	5.3%	1,800	15.9%	77	6.2%	242	20.7%	16.6%	12.7%	2,352	14,279	21.0	3.5
NT2	22,750	6,549	1,928	12.6%	5,436	30.7%	214	383.5%	577	6831.2%	15.4%	7.9%	2,265	15,660	10.0	1.5
TDM	56,200	6,244	64	-39.9%	264	-34.0%	3	-94.5%	200	35.9%	10.2%	8.0%	2,333	23,172	24.1	2.4
DDV	35,600	5,255	1,397	85.1%	4,154	68.3%	221	988.1%	496	347.8%	28.7%	21.6%	3,787	14,536	9.5	2.5
VN30 (5/30 DN)																
	1,946	5,192,982	89,204	22.0%	252,829	14.5%	22,648	38.3%	62,790	21.6%	17.5%	2.3%			9.8	1.6
VN100 (22/100 DN)																
	1,854	6,441,241	118,222	24.3%	330,630	15.9%	32,014	50.4%	84,763	28.0%	18.1%	2.6%			10.6	1.8
HOSE (137/418 DN)																
	1,687	7,466,242	178,949	21.9%	486,375	13.5%	41,220	57.0%	103,866	27.7%	17.6%	2.9%			11.2	1.8
HNX (143/309 DN)																
	267	461,867	45,277	19.6%	134,219	9.3%	3,984	273.5%	8,070	54.9%	15.0%	6.0%			15.7	2.2
UPCOM (232/936 DN)																
	111	1,413,317	49,261	4.2%	146,803	4.9%	3,941	43.1%	9,778	32.5%	11.2%	3.4%			14.2	1.5

Ghi chú: Vốn hoá, DT và LNST tính bằng đơn vị tỷ VND
Giá đóng cửa, EPS, BVPS tính bằng đơn vị VND/cổ phiếu
Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec
4A Láng Hạ, phường Giảng Võ, Hà Nội
Phone: +84 (24) 7300 6588
Fax: +84 (24) 3248 4821

Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long
63 Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Hồ Chí Minh
Phone: +84 (28) 7300 6588
Fax: +84 (28) 299 2088

Thông tin liên hệ

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp
hanhntk@tvs.vn

Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp
longpn@tvs.vn

Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên
anhnd@tvs.vn

Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên
quangtpt@tvs.vn

Nguyễn Văn Quang

Chuyên viên
quangnv@tvs.vn